TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng; Ông Trần Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1967.
- Bị đơn: Ông Lý Ngọc L, sinh năm 1962 (tên khác: Lý Xuân H)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2019, biên bản hòa giải ngày 13/5/2019 nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị C và ông Lý Ngọc L sống chung với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cải nhau, ông L thường hay chửi và đánh đập bà, bà và ông L đã sống ly thân nhiều năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà C xác định không có con chung với nhau.

- *Về tài sản chung:* Bà C xác định có 01 căn nhà và đất tại ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nhà chính xây cơ bản vách tường, nền lát gạch men ngang 5m x dài 12m, diện tích 60m^2. Nhà sau xây dựng bằng cây gổ địa phương, vách thiết, nền lát gạch tàu ngang 5m x dài 10m, diện tích 50m^2. Căn nhà xây dựng trên phần đất có diện tích 246m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK473242 đứng tên Lê Thị C thuộc thửa số

194, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Theo bà C giá trị căn nhà và đất nêu trên trị giá 350.000.000 đồng, nhà này hiện ông L đang quản lý. Khi ly hôn bà yêu cầu chia ½ giá trị của căn nhà trên phần đất nêu trên mỗi người 175.000.000 đồng. Bà yêu cầu được nhận nhà, bà đồng ý đưa cho ông L 175.000.000 đồng. Nêu ông L thỏa thuận được thì bà yêu cầu Nhận 100.000.000 đồng.

- *Về nợ chung*: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 22/5/2019, bà C xin rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung để bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông L.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/5/2019, ông Lý Ngọc L trình bày:

-*Về hôn nhân*: Ông và bà C sống chung với nhau từ năm 2004, bà C là vợ sau của ông nên không có đăng ký kết hôn đúng như bà C trình bày. Mâu thuẫn trong hôn nhân đúng như bà C trình bày. Ông không đồng ý ly hôn với bà C. Lý do, ông còn thương bà C nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ*: Ông không đồng ý chia tài sản là căn nhà mà bà C trình bày. Lý do, căn nhà và đất này là tài sản của ông mặt dù để cho bà C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì trước đây bà C đã lấy số tiền mà ông đã bán một chiếc tàu biển, trị giá 700.000.000 đồng, có trả nợ một phần, còn 550.000.000 đồng gửi Ngân hàng Công thương Việt Nam do bà C làm chủ tài khoản và 02 cây vàng 24k. Khi phát hiện thì bà C đã sử dụng hết số vàng và tiền trên chỉ còn lại 60.000.000 đồng trả lại cho ông nhưng lúc đó ông không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của tòa án:* Ông Lý Ngọc L có nơi cư trú tại M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lý Ngọc L nên mối quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà C là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà C là nguyên đơn, ông L là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bà C có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt; Căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Chị C và ông Lý Ngọc L không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, bà và ông L đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay; bà C và ông L đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét, mâu thuẫn giữa bà C và ông L là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, cho bà C được ly hôn với ông L.

[5] *Về con chung*: Bà C và ông L xác định không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ:* Bà C và ông L tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc ly hôn với ông Lý Ngọc L (Lý Xuân H).

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị C và ông Lý Ngọc L là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị C phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 24/4/2019 bà C đã dự nộp 4.375.000 đồng theo biên lai thu số 0003010 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ, bà C được nhận lại số tiền 4.075.000 đồng.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THA DS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công